TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ Đ** TỈNH L	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **29**/2024/HNGĐ - ST
Ngày: 04 - 4 - 2024
V/v tranh chấp "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ - TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Trần Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Trương M Thọ;

2.Ông Nguyễn M Sơn.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Q - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đ- tỉnh L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ- tỉnh L *tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đ, tỉnh L; xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 672/2023/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2024/QĐST - HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị V, sinh năm:1988 (có mặt).

Địa chỉ: Số 79A, đường C, Phường K, thành phố Đ, tỉnh L.

Địa chỉ hiện trú: Số 25/8, đường Kim Đồng, Phường 6, thành phố Đ.

Bị đơn: Anh Đặng Hữu Q, sinh năm: 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 79A, đường C, Phường K, thành phố Đ, tỉnh L

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn chị Nguyễn Thị V thì: Chị và anh Đặng Hữu Q kết hôn với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường K, thành phố Đ, tỉnh L; hôn nhân tự nguyện, có tổ

chức lễ cưới. Sau khi cưới vợ chồng chị sống chung cùng gia đình chồng tại 79A, Phường K, thành phố Đ, tỉnh L. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì đến năm 2018 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung, anh Q không có trách nhiệm với vợ con, thời gian qua anh Q bị đau bệnh và không làm gì ra kinh tế, dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn càng nhiều, một mình chị phải lo làm để có đủ kinh tế trang trải nuôi con, nên thường phải đi sớm về trễ dẫn đến gia đình chồng hay chửi bới xúc phạm chị, cũng từ đó nảy sinh nhiều mâu thuẫn hơn, vào năm 2021 chị đã từng gửi đơn xin ly hôn, nhưng sau đó chị đã xin rút đơn. Vì một mình chị phải chăm sóc các con, do chị bận công việc không có thời gian đưa đón các con được nên chị đã phải đưa các con về quê ở tại xã Cam Con, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai nhờ bố mẹ chị chăm sóc. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nay chị có nguyện vọng được ly hôn với anh Q để chị sớm trở về quê ổn định cuộc sống lo cho các con.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Đặng Hữu Gia M, sinh ngày 07/02/2012 và Đặng Hữu Nhật D, sinh ngày 12/01/2015, hiện nay các con đang sống cùng bố mẹ chị tại xã Cam Con, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai. Ly hôn chị có nguyện vọng được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng các con chung đến khi trưởng thành, chị không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung gì và không có nợ chung, nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Quá trình thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tiếp cận chứng cứ và hòa giải nhưng anh Q vắng mặt nên việc hòa giải không thành.

Tại phiên tòa, chị V xác định hiện vợ chồng chị đã sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn, nên chị giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Q. Về con chung chị V xác định vợ chồng có 02 con chung là Đặng Hữu Gia M, sinh ngày 07/02/2012 và Đặng Hữu Nhật D, sinh ngày 12/01/2015. Ly hôn chị V có nguyện vọng được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng các con chung đến khi con thành niên, chị V không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung không có.

Bị đơn anh Q đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đtham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự phiên toà sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự có mặt tại phiên tòa đã chấp hành đúng nội quy phiên toà, đương sự vắng mặt đã được tống đạt thủ tục đầy đủ đúng quy định. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị V, cho chị V được ly hôn anh Q; về con chung đề nghị giao 02 con chung là Đặng Hữu Gia M, sinh ngày 07/02/2012 và Đặng Hữu Nhật D, sinh ngày

12/01/2015 cho chị V được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, việc cấp dưỡng nuôi con chị V không yêu cầu nên không xem xét; về tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Giữa chị Nguyễn Thị V và anh Đặng Hữu Q kết hôn với nhau vào năm 2010, quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, chị V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Q, nên xác định quan hệ tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật dân sự năm 2015; bị đơn anh Q hiện cư trú tại phường 7, thành phố Đ, nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Toà án nhân dân thành phố Đ, tỉnh L có thẩm quyền giải quyết tranh chấp nói trên.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Đặng Hữu Q đã được triệu tập hợp lệ trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tham gia phiên tòa hôm nay nhưng vắng mặt nên căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 cần xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung là phù hợp.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị V và anh Q kết hôn với nhau vào năm 2010 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 7, thành phố Đ, tỉnh L. Theo trình bày của chị V thì vợ chồng chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung, anh Q không có trách nhiệm với vợ con, thời gian gần đây anh Q không làm gì ra kinh tế, dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn càng nhiều, một mình chị phải lo làm để có đủ kinh tế trang trải nuôi các con, nên thường đi sớm về trễ dẫn đến bị gia đình chồng chửi bới xúc phạm, cũng từ đó vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn hơn, chị đã chuyển ra nhà trọ sống một thời gian. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Q để tiến hành hòa giải nhưng anh Q không đến, cũng chứng tỏ anh Q không có thiện chí để hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng; còn chị V xác định không còn tình cảm gì với anh Q, hiện vợ chồng đã sống ly thân, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau và chị V mong muốn sớm được ly hôn để sớm về quê chăm lo cho các con. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị V và anh Q đã trầm trọng kéo dài, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm

2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị V, xử cho chị V và anh Q được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[3.2] Về con chung: Chị V xác định vợ chồng có 02 con chung là Đặng Hữu Gia M, sinh ngày 07/02/2012 và Đặng Hữu Nhật D, sinh ngày 12/01/2015. Quá trình giải quyết vụ án chị V có nguyện vọng được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đặng Hữu Gia M và Đặng Hữu Nhật D; xét thấy cháu M, cháu D cũng có nguyện vọng được sống cùng chị V, nên cần tiếp tục giao con chung Đặng Hữu Gia M và Đặng Hữu Nhật D cho chị V được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014 là phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án chị V không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung: Chị V xác định vợ chồng không có tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về nợ chung: Chị V xác định không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị V phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 147; khoản 2 Điều 227 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51; Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn" của nguyên đơn chị Nguyễn Thị V đối với bị đơn anh Đặng Hữu Q.

Xử:

1/Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị V và anh Đặng Hữu Q được ly hôn.

2/Về con chung: Giao 02 con chung là Đặng Hữu Gia M, sinh ngày 07/02/2012 và Đặng Hữu Nhật D, sinh ngày 12/01/2015 cho chị Nguyễn Thị V được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi con thành niên, việc cấp dưỡng nuôi con vợ chồng tự thỏa thuận.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3/Về án phí: Chị Nguyễn Thị V phải chịu 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* chị V đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0012208 ngày 09 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ, chị V đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án (04/4/2024). Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15*(mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh L xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh L;
- VKSND tp. Đ;
- Chi cục THADS tp. Đ;
- UBND Phường 7, thành phố Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đã ký

Trần Thị Lan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Lan